

TỶ LỆ PHÍ BẢO HIỂM CHUẨN

SẢN PHẨM BẢO HIỂM TỬ KỲ TÁI TỤC HÀNG NĂM MỞ RỘNG

Phương án triển khai Thâm định đầy đủ

Tỷ lệ phí bảo hiểm chuẩn tính trên 1.000 đồng Mệnh giá Bảo hiểm

Tuổi	Nam	Nữ	Tuổi	Nam	Nữ	Tuổi	Nam	Nữ
0	0,52	0,37	33	1,95	1,54	66	25,89	14,85
1	0,41	0,33	34	2,05	1,61	67	28,25	16,11
2	0,59	0,48	35	2,17	1,70	68	30,80	17,41
3	0,77	0,62	36	2,32	1,82	69	30,24	16,98
4	0,93	0,77	37	2,49	1,96	70	33,09	18,52
5	0,88	0,75	38	2,68	2,13	71	36,34	20,42
6	0,83	0,73	39	2,90	2,32	72	36,42	20,70
7	0,78	0,71	40	3,15	2,53	73	40,24	23,26
8	0,75	0,70	41	3,42	2,75	74	44,43	26,21
9	0,74	0,69	42	3,71	2,98	75	44,83	27,04
10	0,75	0,68	43	4,03	3,20	76	45,35	27,96
11	0,81	0,70	44	4,37	3,44	77	45,92	28,96
12	0,92	0,73	45	4,73	3,68	78	46,57	30,03
13	1,07	0,77	46	5,12	3,92	79	50,53	33,37
14	1,24	0,82	47	5,53	4,19	80	49,01	33,17
15	1,42	0,87	48	5,97	4,48	81	53,37	37,06
16	1,59	0,92	49	6,46	4,79	82	58,29	41,54
17	1,72	0,96	50	7,00	5,13	83	63,73	46,61
18	1,82	1,00	51	7,63	5,50	84	69,58	52,20
19	1,88	1,03	52	8,33	5,92	85	75,70	58,23
20	1,90	1,06	53	9,13	6,38	86	82,00	64,67
21	1,90	1,08	54	10,01	6,85	87	88,44	71,51
22	1,88	1,10	55	10,96	7,33	88	95,01	78,75
23	1,84	1,12	56	11,97	7,80	89	101,75	86,44
24	1,80	1,15	57	13,04	8,25	90	108,77	94,69
25	1,75	1,17	58	14,18	8,70	91	116,24	103,65
26	1,72	1,20	59	15,42	9,20	92	124,49	113,66
27	1,71	1,24	60	16,80	9,80	93	134,34	125,43
28	1,70	1,28	61	18,36	10,54	94	147,60	140,58
29	1,72	1,32	62	20,12	11,49	95	167,55	162,39
30	1,75	1,37	63	22,09	12,63	96	200,47	197,08
31	1,80	1,42	64	24,27	13,92	97	257,61	255,82
32	1,87	1,47	65	26,62	15,29	98	354,83	354,26

Phương án triển khai Thảm định đơn giản – Trường hợp ba (03) câu hỏi thảm định (*)

Tỷ lệ phí bảo hiểm chuẩn tính trên 1,000 đồng Mệnh giá Bảo hiểm

Tuổi	Nam	Nữ	Tuổi	Nam	Nữ
18	2,27	1,25	42	4,63	3,72
19	2,35	1,28	43	5,03	4,00
20	2,37	1,32	44	5,46	4,30
21	2,37	1,35	45	5,91	4,60
22	2,35	1,37	46	6,40	4,90
23	2,30	1,40	47	6,91	5,23
24	2,25	1,43	48	7,46	5,60
25	2,18	1,46	49	8,07	5,98
26	2,15	1,50	50	8,75	6,41
27	2,13	1,55	51	9,53	6,87
28	2,12	1,60	52	10,41	7,40
29	2,15	1,65	53	11,41	7,97
30	2,18	1,71	54	12,51	8,56
31	2,25	1,77	55	13,70	9,16
32	2,33	1,83	56	14,96	9,75
33	2,43	1,92	57	16,30	10,31
34	2,56	2,01	58	17,72	10,87
35	2,71	2,12	59	19,27	11,50
36	2,90	2,27	60	21,00	12,25
37	3,11	2,45	61	22,95	13,17
38	3,35	2,66	62	25,15	14,36
39	3,62	2,90	63	27,61	15,78
40	3,93	3,16	64	30,33	17,40
41	4,27	3,43			

Phương án triển khai Thảm định đơn giản – Trường hợp một (01) câu hỏi thảm định (*)

Tỷ lệ phí bảo hiểm chuẩn tính trên 1.000 đồng Mệnh giá Bảo hiểm

Tuổi	Nam	Nữ	Tuổi	Nam	Nữ
18	3,07	1,68	42	6,26	5,02
19	3,17	1,73	43	6,80	5,40
20	3,20	1,78	44	7,37	5,80
21	3,20	1,82	45	7,98	6,21
22	3,17	1,85	46	8,64	6,61
23	3,10	1,89	47	9,33	7,07
24	3,03	1,94	48	10,07	7,56
25	2,95	1,97	49	10,90	8,08
26	2,90	2,02	50	11,81	8,65
27	2,88	2,09	51	12,87	9,28
28	2,86	2,16	52	14,05	9,99
29	2,90	2,22	53	15,40	10,76
30	2,95	2,31	54	16,89	11,55
31	3,03	2,39	55	18,49	12,36
32	3,15	2,48	56	20,19	13,16
33	3,29	2,59	57	22,00	13,92
34	3,45	2,71	58	23,92	14,68
35	3,66	2,86	59	26,02	15,52
36	3,91	3,07	60	28,35	16,53
37	4,20	3,30	61	30,98	17,78
38	4,52	3,59	62	33,95	19,38
39	4,89	3,91	63	37,27	21,31
40	5,31	4,26	64	40,95	23,49
41	5,77	4,64			

Phương án triển khai Đảm bảo phát hành hợp đồng (*)

Tỷ lệ phí bảo hiểm chuẩn tính trên 1.000 đồng Mệnh giá Bảo hiểm

Tuổi	Nam	Nữ	Tuổi	Nam	Nữ
18	3,41	1,87	42	6,95	5,58
19	3,52	1,93	43	7,55	6,00
20	3,56	1,98	44	8,19	6,45
21	3,56	2,02	45	8,86	6,90
22	3,52	2,06	46	9,60	7,35
23	3,45	2,10	47	10,36	7,85
24	3,37	2,15	48	11,19	8,40
25	3,28	2,19	49	12,11	8,98
26	3,22	2,25	50	13,12	9,61
27	3,20	2,32	51	14,30	10,31
28	3,18	2,40	52	15,61	11,10
29	3,22	2,47	53	17,11	11,96
30	3,28	2,56	54	18,76	12,84
31	3,37	2,66	55	20,55	13,74
32	3,50	2,75	56	22,44	14,62
33	3,65	2,88	57	24,45	15,46
34	3,84	3,01	58	26,58	16,31
35	4,06	3,18	59	28,91	17,25
36	4,35	3,41	60	31,50	18,37
37	4,66	3,67	61	34,42	19,76
38	5,02	3,99	62	37,72	21,54
39	5,43	4,35	63	41,41	23,68
40	5,90	4,74	64	45,50	26,10
41	6,41	5,15			

Lưu ý: Đối với phương án triển khai Thẩm định đơn giản và Đảm bảo phát hành hợp đồng, Chubb Life có thể áp dụng Tỷ lệ Phí bảo hiểm đồng nhất theo Tài liệu phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê chuẩn.